

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-PT
Ngày 21-01-2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất; yêu cầu chấm dứt hành vi
cản trở quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Thẩm phán:

Ông Lưu Hữu Giàu

Ông Nguyễn Hoàng Thám

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Mỹ Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2021/TLPT-DS, ngày 04 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2021/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 117/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 139/2021/QĐ-PT ngày 02 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 164/2021/QĐ-PT ngày 19 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 191/2021/QĐ-PT ngày 19 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 201/2021/QĐ-PT ngày 17 tháng 9 năm 2021; Thông báo mở lại phiên tòa số: 614/TB-TA ngày 25 tháng 10 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 234/2021/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 274/2021/QĐ-PT ngày 24 tháng 12 năm 2021; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa phúc thẩm số: 73 /TB-TA ngày 17 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị V, sinh năm 1956; địa chỉ cư trú: Tổ 26, ấp Đ, xã H, huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Số 41/8b, đường D, khóm L, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/5/2020) (có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Đinh Thị M, sinh năm 1956 (vắng mặt);
2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1980 (chết ngày 27/10/2021).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn C:

- 2.1. Bà Đinh Thị M, sinh năm 1956 (vắng mặt);
- 2.2. Anh Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1996 (vắng mặt);
- 2.3. Anh Nguyễn Thành H, sinh năm 2003 (vắng mặt);
- 2.4. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 2011 (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Văn T: Bà Quách Thị P, sinh năm 1981 (mẹ ruột anh Nguyễn Văn T) (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 26, ấp Đ, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lôi Văn Đ là Luật sư của Văn phòng Luật sư Đ thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lý Thị C, sinh năm 1976 (vắng mặt);
2. Bà Lý Thị L, sinh năm 1979 (vắng mặt);
3. Ông Lý Văn D1, sinh năm 1982 (vắng mặt);
4. Bà Lý Thị D, sinh năm 1984 (vắng mặt);
5. Ông Lý Minh P, sinh năm 1987 (vắng mặt);
6. Ông Lý Vũ L, sinh năm 1993 (vắng mặt);
7. Bà Lý Út D, sinh năm 2000 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 26, ấp Đ, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

8. Bà Lý Thị K, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Tổ 286, ấp Đ, xã H, huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt).

9. Bà Lý Thị T, sinh năm 1995; địa chỉ cư trú: Tổ 315, ấp Đ, xã H, huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Số 41/8b, đường D, khóm L, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang (có mặt).

- Người kháng cáo: Bà Đinh Thị M là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị V (sau đây gọi tắt là bà V) và người đại diện theo ủy quyền của bà V trình bày:

Bà V và chồng là ông Lý Văn D (sau đây gọi tắt là ông D) có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị K1 (sau đây gọi tắt là bà K1) với diện tích: Ngang 07m; dài từ lộ đến mé sông, giá chuyển nhượng là 03 chỉ vàng 24k, địa chỉ thửa đất: Ấp Đ, xã H, huyện P, tỉnh An Giang, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCN QSD đất), có lập Tờ bán nền nhà ngày 10/3/1996, người làm chứng là ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị C (sau đây gọi tắt là bà C), Tổ trưởng xác nhận ngày 12/3/1996, Ban ấp xác nhận ngày 15/3/1996; các bên đã thực hiện xong việc giao nhận đất và vàng. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà V, ông D sử dụng xây dựng nhà ở diện tích khoảng ngang 06m x dài 20m và cho ông Lý Văn S (là anh ruột của ông D) xây dựng nhà ở diện tích ngang 3,5m x dài 19m (sau nhà ông D, bà V). Ngày 17/5/2013, ông D chết, bà V cùng các con xây dựng thêm căn nhà phía sau nối với căn nhà trước thì bà Đinh Thị M và con là ông Ngụy Văn C (sau đây gọi tắt là bà M, ông C) ngăn cản không cho bà V xây dựng nhà.

Nay bà V yêu cầu công nhận cho bà V được quyền sử dụng diện tích đất ngang 07m, dài khoảng 60m tại địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện P, tỉnh An Giang và yêu cầu bà M, ông C phải chấm dứt hành vi cản trở bà V xây dựng nhà.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà M (do ông C đại diện) và ông C trình bày:

Khu đất đang tranh chấp có nguồn gốc là của bà C là mẹ của bà M, bà C đã chết; vị trí đất tranh chấp cấp bờ sông, đất chưa được cấp GCN QSD đất.

Năm 1996, bà K1 (là cháu của bà C) có xin bà C nền đất để chuyển nhượng cho ông D nên bà C đồng ý cho bà K1 chuyển nhượng cho ông D nền đất là trong phạm vi căn nhà của ông D hiện hữu; từ phía sau căn nhà ông D đến mé sông là đất lang bồi thuộc quyền sử dụng của bà C, không nằm trong phạm vi đất chuyển nhượng cho ông D. Bà V (vợ ông D) xây dựng mới căn nhà trên phần đất lang bồi thuộc quyền sử dụng của bà C nên bà M (là con của bà C) và ông C (là con của bà M) ngăn cản và không đồng ý cho bà V xây dựng nhà trên đất lang bồi thuộc quyền sử dụng của bà C.

Nay bà M và ông C không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà V.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2021/DS-ST ngày 31/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

- Buộc bà M và ông C chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của bà V, theo kết quả đo đạc ngày 14/9/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh An Phú, thể hiện phần đất ở các điểm 4,5,6,7 là các góc ranh phần đất diện tích 217,6m².

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất phần đất ở các điểm 4,5,6,7 là các góc ranh phần đất diện tích 217,6 m² (Do chưa đủ điều kiện khởi kiện).

- Bà V và các đồng thừa kế của ông D được quyền tiếp tục sử dụng phần đất ở các điểm 4,5,6,7 là các góc ranh phần đất diện tích 217,6 m². Bà V cùng hàng thừa kế của ông D được liên hệ cơ quan chức năng để đăng ký cấp GCN QSD đất và quyền sở hữu nhà ở, nếu như đất, nhà thuộc trường hợp được cấp GCN QSD đất và nhà ở theo quy định tại Điều 100, 101 Luật Đất đai.

Ngày 12/4/2021, bà M kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử: Bác yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn; bỏ phần nội dung hướng dẫn cho nguyên đơn liên hệ làm thủ tục cấp GCN QSD đất. Đất đang tranh chấp chưa được cấp GCN QSD đất nhưng bà V xây dựng nhà là hành vi trái pháp luật nên bà M cản trở và trình với chính quyền địa phương là không sai; bà M yêu cầu được miễn án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện của bà V trình bày: Bà V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về yêu cầu buộc bị đơn chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc bà V xây dựng nhà. Đồng ý sửa bản án sơ thẩm về việc bỏ phần *“Bà V cùng hàng thừa kế của ông D được liên hệ cơ quan chức năng để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở”*.

- Bị đơn bà M và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông C: Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày ý kiến tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà M. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Sửa một phần Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang, cụ thể: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà V. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà V về yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà M nộp đơn kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2] Quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm, ông C chết ngày 27/10/2021. Căn cứ vào khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự của ông C gồm: Bà Đinh Thị M, anh Ngụy Thành Tr, anh Ngụy Thành H, anh Ngụy Văn T (sau đây gọi tắt là anh Tr, anh H, anh T). Do anh T chưa thành niên nên bà Quách Thị P (sau đây gọi tắt là bà P), mẹ của anh T là người đại diện theo pháp luật.

[3] Bà M, anh Tr, anh H, bà P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo:

[4.1] Về hành vi cản trở quyền sử dụng đất:

Theo Tờ bán nền nhà lập ngày 10/3/1996 thể hiện sự thỏa thuận giữa bà K và ông D như sau: Bà K chuyển nhượng cho ông D khu đất ngang 07m dài từ lộ đến mé sông.

Bà M và ông C thừa nhận bà K có chuyển nhượng đất cho ông D và có lập Tờ bán nền nhà như bà V trình bày nhưng bà M và ông C chỉ thừa nhận bà K chuyển nhượng cho ông D khu đất trong phạm vi căn nhà ông D và bà V đang hiện hữu.

Bà M và ông C trình bày khu đất từ sau nhà ông D, bà V đến mé sông là phần lang bồi thuộc quyền sử dụng của bà Cảnh (là mẹ bà M) nên bà M và ông C ngăn cản không đồng ý việc bà V sử dụng xây dựng nhà trên khu đất lang bồi (từ sau nhà ông D, bà V đến mé sông).

Tuy nhiên, bà M và ông C không cung cấp tài liệu, chứng cứ về quyền sử dụng đất hợp pháp của bà Cảnh, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về quyền sử dụng đất hợp pháp của bà M và ông C đối với khu đất đang tranh chấp; hơn nữa, bà M và ông C không có quá trình quản lý khu đất đang tranh chấp.

Ông D và bà V sử dụng đất từ năm 1996 đến nay không bị tranh chấp; bà K không tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng với ông D, bà V.

Việc bà V sử dụng đất chưa được cấp GCN QSD đất và xây dựng nhà chưa được cấp giấy phép xây dựng không phải là chứng cứ chứng minh quyền, lợi ích hợp pháp của bà M và ông C bị xâm phạm.

Do đó, cấp sơ thẩm xét xử buộc bà M và ông C phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc bà V sử dụng đất là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 11, Điều 169 của Bộ luật Dân sự. Bà M kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm tuyên buộc bà M chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc bà V sử dụng đất nhưng bà M không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới nên kháng cáo của bà M là không có cơ sở như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

[4.2] Về yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất:

Bà V khởi kiện yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất diện tích ngang 07m, dài 60m nhưng đơn khởi kiện của bà V thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện khởi kiện nên cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất là đúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192; điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tức là cấp sơ thẩm không xem xét, không giải quyết về yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất. Do đó, bà M kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu của bà V về yêu cầu công nhận quyền sử dụng là không có cơ sở. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm quyết định: “*Bà V và các đồng thừa kế của ông D được quyền tiếp tục sử dụng đất và liên hệ cơ quan chức năng để đăng ký cấp GCN QSD đất và quyền sở hữu nhà ở, nếu như đất, nhà thuộc trường hợp được cấp GCN QSD đất và nhà ở theo quy định tại Điều 100, 101 của Luật Đất đai*” là không phù hợp. Bởi vì, Tòa án quyết định đương sự có quyền, nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở khi có quyết định công nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở.

Tại phiên tòa, ông T (là người đại diện của bà V) đồng ý bỏ câu: “*Bà V và các đồng thừa kế của ông D được quyền tiếp tục sử dụng phần đất ở các điểm 4,5,6,7 là các góc ranh phần đất diện tích 217,6m². Bà V cùng hàng thừa kế của ông D được liên hệ cơ quan chức năng để đăng ký cấp GCN QSD đất và quyền sở hữu nhà ở, nếu như đất, nhà thuộc trường hợp được cấp GCN QSD đất và nhà ở theo quy định tại Điều 100, 101 của Luật Đất đai*”.

Do đó, cấp phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà M về việc không đồng ý cấp sơ thẩm quyết định cho bà V và hàng thừa kế của ông D được liên hệ với cơ quan chức năng để đăng ký cấp GCN QSD đất và quyền sở hữu nhà ở như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

Ông C đã chết nên hàng thừa kế của ông C, gồm: Mẹ của ông C là bà M và các con của ông C là: Anh Tr, anh H và anh T (bà P đại diện của anh T) thực hiện nghĩa vụ thay cho ông C.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà M có nộp đơn xin miễn án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án nên bà M được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Ông C vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Do đó, cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang về nội dung (không quyết định cho bà V và hàng thừa kế của ông D được đăng ký cấp GCN QSD đất và quyền sở hữu nhà ở) và về án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bà M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị M.

2. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 35/2021/DS-ST ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị V về yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị V về yêu cầu bà Đinh Thị M và ông Ngụy Văn C chấm dứt hành vi cản trở bà Huỳnh Thị V thực hiện quyền sử dụng đất.

- Buộc bà Đinh Thị M và hàng thừa kế của ông Ngụy Văn C, gồm: Bà Đinh Thị M, anh Ngụy Thành Tr, anh Ngụy Thành H và anh Ngụy Văn T (bà Quách Thị P đại diện của anh Ngụy Văn T) phải chấm dứt hành vi cản trở bà Huỳnh Thị V thực hiện quyền sử dụng đất đối với diện tích 217,6m² đất tại các điểm: 4,5,6,7 theo Bản vẽ hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai - Chi nhánh An Phú, tỉnh An Giang lập ngày 14/9/2020.

- Về chi phí tố tụng: Bà Huỳnh Thị V tự nguyện chịu chi phí do đặc, xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.574.000 đồng (Một triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn đồng), bà Huỳnh Thị V đã nộp đủ.

Hàng thừa kế của ông Ngụy Văn C, gồm: Bà Đinh Thị M, anh Ngụy Thành Tr, anh Ngụy Thành H và anh Ngụy Văn T (bà Quách Thị P đại diện của anh Ngụy Văn T) phải chịu chi phí giám định là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), khi còn sống ông Ngụy Văn C đã nộp đủ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Đinh Thị M được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

+ Bà Huỳnh Thị V (do ông Trần Ngọc T đại diện) được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu số

0004641 ngày 08/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

+ Hàng thừa kế của ông Ngụy Văn C, gồm: Bà Đinh Thị M, anh Ngụy Thành Tr, anh Ngụy Thành H và anh Ngụy Văn T (bà Quách Thị P đại diện của anh T) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đinh Thị M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- TAND huyện An Phú;
- Chi cục THADS huyện An Phú;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Ngọc Phỉ